TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022
Về tranh chấp: "Ly hôn và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Hoa;
Ông Phạm Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "*Ly hôn và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 ; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích L – sinh năm 1987

Địa chỉ: xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. Bà L có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Vũ Thị Kim A – Công ty luật TNHH X. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phan Thanh H – sinh năm 1980

HKTT: xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Địa chỉ: phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, Khánh Hòa. Ông H có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị S – sinh năm 1966

Địa chỉ: xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Lê Trọng V – sinh năm 1994

+ Bà Đặng Thị Mỹ H – sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông V, bà H có mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Diên Khánh, Khánh Hòa – phòng giao dịch D: Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Mỹ L – giám đốc phòng giao dịch D. (bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Bích L trình bày:* Bà và ông Phan Thanh H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2006. Sau khi kết hôn, bà cùng ông H sống tại nhà cha mẹ chồng ở Huế. Năm 2017, bà và ông H chuyển về sống tại xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Quá trình chung sống, từ năm 2018, bà và ông H xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H bảo thủ, không tôn trọng bà, không tin tưởng về mặt tài chính. Càng ngày ông H càng quá đáng, thậm chí không tin cháu Phan Lê Thanh H là con chung của hai vợ chồng. Mâu thuẫn kéo dài mà không thể hòa giải được, đến nay bà và ông H đã không chung sống với nhau. Bà L xác định không còn tình cảm với ông H nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Thanh H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Phan Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/2013. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 587, tờ bản đồ số 8 xã Suối Tiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01873 cấp ngày 12/10/2016 cho ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L. Đây là tài sản do mẹ bà là Lê Thị S tặng cho bà và ông H. Khi được cấp quyền sử dụng đất, vì chưa có nhu cầu sử dụng nên bà và ông H đã thống nhất để cho vợ chồng em trai bà lúc đó chưa có nhà đất để ở. Việc tặng cho này chỉ nói miệng, không lập thành hợp đồng. Hiện tại, bà và ông H không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này mà vợ chồng em trai bà đã xây nhà ở trên đất từ năm 2017 đến nay. Nay bà yêu cầu được sở hữu tài sản là thửa đất nói trên và tài sản trên đất do vợ chồng em bà là Lê Trọng V và Đặng Thị Mỹ H xây dựng. Bà sẽ hoàn giá trị cho ông H là 500.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày tuyên án. Bà không hoàn trả tiền đối với tài sản trên đất cho vợ chồng em bà là Lê Trọng V và bà Đặng Thị Mỹ H.

Nợ chung: Bà và ông H xác định đã giải quyết xong, đến nay không còn nợ chung.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà đồng ý nộp án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Về chi phí định giá lại tài sản theo yêu cầu, bà đã tạm ứng 1.800.000 đồng và không có yêu cầu gì.

* *Tại phiên Tòa ông Phan Thanh Huy trình bày:* Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, ông đồng ý với phần trình bày của bà Lê Thị Bích L. Về quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống, ông biết được bà L có mối quan hệ bất chính ngoài

vợ chồng nên giữa ông và bà L xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn kéo dài nhưng không hòa giải được, vì vậy ông và bà L đã quyết định không chung sống cùng nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung là Phan Lê Thanh H, sinh ngày 02/12/2013. Ông đồng ý giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Ông H rút yêu cầu chia tài sản đối với:

- 01 ngôi nhà có tường rào, mái vòm, diện tích khoảng 150m^2 nằm trên thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ63988x cấp ngày 12/10/2016 cho bà Lê Thị S.

- Tài sản gắn liền với thửa đất 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 246m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x mang tên ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L.

Ông giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung đối với: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8 xã Suối Tiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x cấp ngày 12/10/2016 cho ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L. Ông yêu cầu chia tài sản chung này như sau: Ông đồng ý để bà L nhận đất và đồng ý để bà L thanh toán lại cho ông giá trị mà ông được chia theo pháp luật bằng tiền là 500.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về nợ chung: Các bên đã giải quyết xong, đến nay không còn nợ chung nên không có yêu cầu gì.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ông đã tạm ứng 29.485.000 đồng, ông tự chịu và không yêu cầu bà L, ông V, bà H hoàn trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S trình bày:* Liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Thanh H. Phần tài sản chung này là của L và H nên bà không có yêu cầu. Tuy nhiên, tài sản này trước đây là do bà cho vợ chồng của L và H. Nay bà không có tranh chấp gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng Việt và bà Đặng Thị Mỹ Hạnh trình bày:* L quan đến yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Thanh H. Phần tài sản chung này là thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8 xã Suối Tiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x cấp ngày 12/10/2016 cho ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L là tài sản của bà L và ông H nên ông V và bà H không có yêu cầu.

Trên phần đất tranh chấp, vợ chồng ông Lê Trọng V và vợ là bà Đặng Thị Mỹ H đã xây dựng gồm có:

- Nhà ở: Cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng 60,7 m^2; kết cấu: Móng, khung trụ, đà kiềng BTCT, mái ngói; tường xây gạch 100, sơn nước, hệ thống điện âm tường; nền lát gạch ceramic; cửa chính, cửa sổ, cửa phòng ngủ bằng nhôm kính.

- Nhà bếp, vệ sinh: Diện tích xây dựng 19,7 m^2. Kết cấu: móng xây đá chẻ, mái tôn; tường xây gạch dày 100, quét sơn, trần nhựa; nền lát gạch bát tràng; xí mệt.

- Tường rào: Chiều dài 4,96 m. Kết cấu: Tường xây gạch, tô trát xi măng, cao 1,5m.

- Cổng, trụ cổng: Kết cấu: Trụ cổng xây gạch, tô trát xi măng, cao 2,6m; cửa cổng 02 cánh bằng sắt, kích thước (2,6 x 1,8)m = 4,68 m^2.

- Mái che trước: Diện tích xây dựng 74,1 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; trụ sắt tròn, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

- Mái che sau: Diện tích xây dựng 22,4 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn.

- Rào lưới B40: Dài 44 mét. Kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40, cao 1,4 mét.

- 01 Giếng khoan: Ống nhựa phi 48, sâu khoảng 10 mét.

Ông V và bà H đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho bà Lê Thị Bích L và không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng chi phí định giá lại, ông V tự chịu và không có yêu cầu gì.

* Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Diên Khánh, Khánh Hòa – phòng giao dịch xã D. Tại biên bản làm việc ngày 06/07/2022, bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Ngày 12/11/2020, bà Lê Thị Bích L và ông Phan Thanh H ký hợp đồng tín dụng số 4703-LAV-20200212x tại phòng giao dịch D vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay, Ngân hàng có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH0187x cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L để đảm bảo khoản vay. Ngày 22/02/2022, bà L và ông H đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay bà L và ông H không cùng đi đến ngân hàng để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Diên Khánh, Khánh Hòa – phòng giao dịch xã D đang giữ. Nay bà L và ông H tranh chấp tài sản là thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x. Do vậy, khi Tòa án tuyên giao quyền sở hữu thửa đất nói trên cho ai thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Diên Khánh, Khánh Hòa – phòng giao dịch xã D sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho người sở hữu thửa đất đang tranh chấp.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn, con chung, tài sản chung, chi phí tố tụng. Đối với việc ông H yêu cầu bà L trả giá trị tài sản cho ông H là 500.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, bà L yêu cầu được trả trong 02 tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự. (có bài phát biểu kèm theo)

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị cho bà Lê Thị Bích L thời hạn 02 tháng để hoàn trả giá trị cho ông H số tiền 500.000.000 đồng.

* Ông Phan Thanh H: không đồng ý với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Ông đề nghị bà Lê Thị Bích L hoàn trả giá trị cho ông số tiền 500.000.000 đồng trong hạn 30 ngày kể từ ngày 20/7/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Bích L và ông Phan Thanh H là vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông H; ông H có yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của vợ chồng là những yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Lê Thị Bích L và ông Phan Thanh H tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do ông H hay xúc phạm bà L, ông H không tôn trọng bà, bà đã cố gắng để vợ chồng hàn gắn nhưng ông H không thay đổi dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay bà và ông H không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông H. Bản thân ông H cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nghiêm trọng nên ông cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Bích L và ông Phan Thanh H xác định vợ chồng có 01 con chung là Phan Lê Thanh H – sinh ngày 02/12/2013. Con chung hiện nay do bà L đang nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] Về yêu cầu định giá lại tài sản của nguyên đơn Lê Thị Bích L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Trọng V: Xét thấy yêu cầu của các đương sự là phù hợp nên Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp vào ngày 15 tháng 7 năm 2022.

[5] Về tài sản chung: ông H có yêu cầu phản tố xác định vợ chồng có tài sản chung là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8 xã Suối Tiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông H và bà L do mẹ bà L là bà Lê Thị S tặng cho. Bà Lê Thị Bích L cũng thừa nhận đó là tài sản chung của 02 vợ chồng do mẹ bà cho trong thời kỳ hôn nhân.

Thửa đất có diện tích 246 m^2. Trong đó: đất ở tại nông thôn có diện tích 60 m^2; đất trồng cây lâu năm có diện tích 186 m^2. Thửa đất có 57,5 m^2 đất thuộc quy hoạch giao thông.

[5.1] Giá trị tài sản tranh chấp theo biên bản định giá lại ngày 15/7/2022 như sau:

- Đất trồng cây lâu năm có diện tích 186 m^2. Đơn giá 3.500.000 đồng/m^2.

Thành tiền: 186 m^2 x 3.500.000 đồng = 651.000.000 đồng.

- Đất ở nông thôn có diện tích 60 m^2. Đơn giá 7.500.000 đồng/m^2.

Thành tiền: 60 m^2 x 7.500.000 đồng = 450.000.000 đồng.

*Tổng giá đất tranh chấp là:

651.000.000 đồng + 450.000.000 đồng = 1.101.000.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ một triệu đồng).

Bà L đồng ý giao cho ông Phan Thanh H số tiền 500.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Ông H đồng ý nhận 500.000.000 đồng nhưng yêu cầu trong thời hạn 30 ngày. Yêu cầu của ông H là chính đáng, tuy nhiên khi bản án có hiệu lực pháp luật mới thi hành được. Do đó, cần buộc bà L hoàn trả giá trị bằng tiền là 500.000.000 đồng cho ông H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5.2] Tài sản gắn liền với thửa đất gồm có:

- Nhà ở: Cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng 60,7 m^2; kết cấu: Móng, khung trụ, đà kiềng BTCT, mái ngói; tường xây gạch 100, sơn nước, hệ thống điện âm tường; nền lát gạch ceramic; cửa chính, cửa sổ, cửa phòng ngủ bằng nhôm kính. Chất lượng còn lại 90%.

- Nhà bếp, vệ sinh: Diện tích xây dựng 19,7 m^2. Kết cấu: móng xây đá chẻ, mái tôn; tường xây gạch dày 100, quét sơn, trần nhựa; nền lát gạch bát tràng; xí mệt.

- Tường rào: Chiều dài 4,96 m. Kết cấu: Tường xây gạch, tô trát xi măng, cao 1,5m.

- Cổng, trụ cổng: Kết cấu: Trụ cổng xây gạch, tô trát xi măng, cao 2,6m; cửa cổng 02 cánh bằng sắt, kích thước (2,6 x 1,8)m = 4,68 m^2.

- Mái che trước: Diện tích xây dựng 74,1 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; trụ sắt tròn, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

- Mái che sau: Diện tích xây dựng 22,4 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn.

- Rào lưới B40: Dài 44 mét. Kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40, cao 1,4 mét.

- 01 Giếng khoan: Ống nhựa phi 48, sâu khoảng 10 mét.

Ông Lê Trọng V và bà Đặng Thị Mỹ H đồng ý giao toàn bộ tài sản trên đất cho bà Lê Thị Bích L và không có yêu cầu hoàn trả giá trị nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

[6] Ông Phan Thanh H rút yêu cầu phản tố chia tài sản chung là

- 01 ngôi nhà có tường rào, mái vòm, diện tích khoảng 150m^2 nằm trên thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ63988x cấp ngày 12/10/2016 cho bà Lê Thị S.

- Căn nhà nằm trên thửa đất 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 246m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x mang tên ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L.

Do đó cần đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản đối với phần rút yêu cầu của ông Huy.

[7] Về nợ chung: Ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L đã giải quyết xong, các bên xác định không còn nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí là 33.085.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ông Phan Thanh H đã tạm ứng chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá là 29.485.000 đồng. Chi phí định giá lại: bà Lê Thị Bích L đã tạm ứng 1.800.000 đồng; ông Lê Trọng V đã tạm ứng 1.800.000 đồng. Do các bên đã tự tạm ứng chi phí, tự chịu, các đương sự không có yêu cầu gì nên không xét

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Cụ thể:

- Bà Lê Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L phải chịu án phí dân sự đối với giá trị tài sản được chia mỗi người được chia là:

+ Bà Lê Thị Bích L phải chịu phần án phí đối với giá trị tài sản được nhận thành tiền là 601.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Án phí bà Lê Thị Bích L phải chịu là 20.000.000 đồng + 4% phần vượt quá 400.000.000 đồng (201.000.000 đồng x 4% = 8.040.000. đồng) = 28.040.000 đồng.

+ Ông Phan Thanh H phải chị án phí với phần giá trị được nhận 500.000.000 đồng.

Án phí bà Phan Thanh H phải chịu là 20.000.000 đồng + 4% phần vượt quá 400.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 4% = 4.000.000. đồng) = 24.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 19; Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 59; Điều 62; Điều 18; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 01 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của bị đơn:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự: bà Lê Thị Bích L thuận tình ly hôn với ông Phan Thanh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: bà Lê Thị Bích L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Lê Thanh H – sinh ngày 02/12/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H.

Ông H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, bà L, ông H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Bích L với ông Phan Thanh H, giữa bà Lê Thị Bích L với vợ chồng ông Lê Trọng V và bà Đặng Thị Mỹ H như sau:

- Bà Lê Thị Bích L được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8 xã Suối Tiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông H và bà L. Thửa đất có diện tích 246 m^2. Trong đó: đất ở tại nông thôn có diện tích 60 m^2; đất trồng cây lâu năm có diện tích 186 m^2 (trong đó có 57,5 m^2 đất thuộc quy hoạch giao thông). (Có bản vẽ thửa đất kèm theo).

- Bà Lê Thị Bích L được quyền quản lý, sử dụng tài sản có trên đất gồm:

+ Nhà ở: Cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng 60,7 m^2; kết cấu: Móng, khung trụ, đà kiềng BTCT, mái ngói; tường xây gạch 100, sơn nước, hệ thống điện âm tường; nền lát gạch ceramic; cửa chính, cửa sổ, cửa phòng ngủ bằng nhôm kính. Chất lượng còn lại 90%.

+ Nhà bếp, vệ sinh: Diện tích xây dựng 19,7 m^2. Kết cấu: móng xây đá chẻ, mái tôn; tường xây gạch dày 100, quét sơn, trần nhựa; nền lát gạch bát tràng; xí mệt.

+ Tường rào: Chiều dài 4,96 m. Kết cấu: Tường xây gạch, tô trát xi măng, cao 1,5m.

+ Cổng, trụ cổng: Kết cấu: Trụ cổng xây gạch, tô trát xi măng, cao 2,6m; cửa cổng 02 cánh bằng sắt, kích thước (2,6 x 1,8)m = 4,68 m^2.

+ Mái che trước: Diện tích xây dựng 74,1 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; trụ sắt tròn, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

+ Mái che sau: Diện tích xây dựng 22,4 m^2. Kết cấu: Nền đất đầm chặt; cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn.

+ Rào lưới B40: Dài 44 mét. Kết cấu: Trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40, cao 1,4 mét.

+ 01 Giếng khoan: Ống nhựa phi 48, sâu khoảng 10 mét.

4. Về thanh toán giá trị:

- Bà Lê Thị Bích L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Thanh H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Lê Thị Bích L không phải thanh toán giá trị cho vợ chồng ông Lê Trọng V và bà Đặng Thị Mỹ H.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Thanh H đối với tài sản là:

- 01 ngôi nhà có tường rào, mái vòm, diện tích khoảng 150m^2 nằm trên thửa đất số 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ63988x cấp ngày 12/10/2016 cho bà Lê Thị S.

- Căn nhà nằm trên thửa đất 58x, tờ bản đồ số 8, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 246m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0187x mang tên ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L.

Đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Diên Khánh, Khánh Hòa – phòng giao dịch xã D có nghĩa vụ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH0187x cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Phan Thanh H và bà Lê Thị Bích L cho bà Lê Thị Bích L khi bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Về chi phí thẩm định, định giá: Các đương sự tự chịu, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

8. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số AA/2019/000204x ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên khánh. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Thanh H phải chịu 24.000.000 đồng *(hai mươi bốn triệu đồng đồng)* nhưng được trừ vào số tiền 8.750.000 đồng *(tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số AA/2019/000214x ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Ông H còn phải nộp 15.250.000 đồng *(mười lăm hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- Bà Lê Thị Bích L phải nộp 28.040.000 đồng *(hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

10. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

11. Quy định: *Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- UBND xã T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đức Thuận